

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HS-ST
Ngày 01/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông Vũ Văn Hữu.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Phụng - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Công Chấn - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 26/2019/HSST ngày 02 tháng 7 năm 2019. Theo quyết định đưa vụ án xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 7 năm 2019.

Họ và tên: **T S D** (tên gọi khác: Không) - Sinh năm: 1987.

Nơi sinh: Huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản H L, xã H L, huyện MC, tỉnh ĐB.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: 9/12.

Dân tộc: Xạ Phang; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: T Q H - Sinh năm: 1964 và bà: Si Chín Dền - Sinh năm: 1962.

Vợ: S S C - Sinh năm: 1985 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm: 2008 con nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền sự: Không. Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án về tội đánh bạc và tổ chức đánh bạc; Nhân thân: Ngày 11/7/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 04 tháng tù về tội đánh bạc và 16 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc. Tổng hợp hình phạt là 20 tháng tù, hiện bị cáo chưa được xóa án tích; Bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã và tạm giữ từ ngày 03/5/2019 sau đó chuyển sang tạm giam từ ngày 06/5/2019 đến nay bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Người bị hại:** Anh Thàn Hòa Chúng - Sinh năm: 1993.

Trú tại: Bản H L, xã H L, huyện MC, tỉnh ĐB - Vắng mặt có lý do.

- **Người bào chữa cho bị cáo T S D:** Ông P V H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- **Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh S A X - Sinh năm: 1997.

2. Chị G T D - Sinh năm: 1997.

Cùng trú tại: Bản M L T, xã H L, Huyện MC, tỉnh DB - Có mặt.

- **Người làm chứng:** Bà V T X - Sinh năm: 1969.

Trú tại: Bản M L T, xã H L, Huyện MC, tỉnh DB - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 09/3/2018 T S D đi sang nhà ông T Q H bỏ đê D ở bản H L, xã H L để mượn xe đi chơi, khi đến nơi D thấy em trai Thành Hòa Chúng để một chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đỏ đen BKS 27V1- 065.84, ở sân không có người trông coi, D nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe đem bán. D đi vào trong nhà thấy có chìa khóa xe để ở bàn uống nước, D lấy chìa khóa mở khóa sau đó điều khiển xe đi vào bản Ma Lù Thàng, xã Huổi Lèng chơi đến khoảng 15 giờ ngày 10/3/2018 D đi xe đến nhà S A X ở bản Ma Lù Thàng cầm chiếc xe cho anh Xai lấy 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng). Sau đó D đi bộ ra bản Trung Đình, xã Huổi Lèng đón xe khách đi lên tỉnh Lào Cai, sang Trung Quốc làm thuê đến 02/5/2019 D về nhà, ngày 03/5/2019 D bị bắt theo lệnh truy nã.

Lời khai của bị cáo Thành Seo D phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 03 ngày 20/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mường Chà kết luận chiếc xe Honda Wave S, BKS 27V1- 065.84 có giá trị 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng chẵn).

Tại bản cáo trạng số: 28/CT-VKS-MC, ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên truy tố T S D về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo D về cả tội danh và điều luật áp dụng. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T S D từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội: "*Trộm cắp tài sản*".

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh T H C đã nhận được tài sản là chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đỏ đen BKS 27V1-065.84, nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh S A X là người nhận cầm chiếc xe máy với bị cáo, anh Xai không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có. Anh Xai khai, nhận cầm chiếc xe máy với bị cáo D số tiền là 2.000.000 đồng, bị cáo D khai chỉ cầm với số tiền là 1.800.000 đồng. Nay anh Xai yêu cầu bị cáo bồi thường cho anh số tiền là 2.000.000 đồng, bị cáo D đồng ý bồi thường số tiền anh Xai yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, đề nghị miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo T S D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố cụ thể: Ngày 09/3/2018 bị cáo đi sang nhà bố đẻ của bị cáo thấy chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đỏ đen BLS 27V1-065.84 dựng ở sân nhà, bị cáo lên lút đi vào trong nhà lấy chìa khóa xe máy, sau đó mở khóa xe máy điều khiển đến bản Ma Lù Thàng, xã Huổi Lèng chơi, đến khoảng 15 giờ ngày 10/3/2018 bị cáo đem chiếc xe máy cầm lấy tiền 1.800.000 đồng với anh S A X, sau đó bị cáo bắt xe khách đi lên tỉnh Lào Cai sang Trung Quốc để làm thuê, đến ngày 03/5/2019 bị cáo bị bắt theo lệnh truy nã. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội *Trộm cắp tài sản* quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử công khai theo tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật, không oan sai.

Tại khoản 1 Điều 173 BLHS quy định: "*Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm*".

[2] Xét về tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo cho thấy: Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo D là hành vi nguy hiểm cho xã hội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác, bị cáo nhận thức được rằng, hành vi của mình là vi phạm pháp luật nếu bị phát hiện thì sẽ bị xử lý rất nghiêm khắc. Tuy nhiên chỉ vì lòng tham, để có tiền chi phí cá nhân mà không phải mất công sức của mình, bị cáo đã bất chấp tất cả, coi thường pháp luật cố tình trộm cắp tài sản của người khác nhằm mục đích cho nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo đã gây ảnh hưởng xấu đến trật tự

trị an trên địa bàn huyện; Gây tâm lý hoang mang cho nhân dân trong việc quản lý, bảo quản tài sản của mình. Hành vi của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp và là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[3] Xét về nhân thân; tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Xét thấy bị cáo T S D xuất thân từ gia đình nông dân, được bố mẹ nuôi dưỡng, đi học hết 9/12 sau đó nghỉ học ở nhà tham gia lao động sản xuất cùng gia đình ở địa phương. Năm 2004 xây dựng gia đình riêng. Ngày 11/7/2014 bị Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xử phạt 04 tháng tù về tội đánh bạc và 16 tháng tù về tội tổ chức đánh bạc, tổng hợp hình phạt là 20 tháng tù đến ngày 18/6/2016 bị cáo chấp hành xong trở về địa phương, hiện chưa được xóa án tích. Do sự ích kỷ của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi chiếm đoạt trái phép tài sản của người khác để đến ngày hôm nay phải đứng trước bức khai báo chịu sự trừng phạt của pháp luật là lẽ đương nhiên, bị cáo có ân hận thì cũng đã muộn. Đây cũng là bài học cảnh tỉnh chung cho tất cả mọi người phải biết tôn trọng pháp luật, sống theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Tuy nhiên trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo khi quyết định hình phạt. Xét bị cáo phạm tội lần này trong thời gian chưa được xóa án tích thuộc trường hợp tài phạm đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, sau khi trộm cắp tài sản bị cáo bỏ đi khỏi địa phương làm cho việc điều tra truy tố bị cáo trở nên phức tạp nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo. Do đó cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh T H C đã nhận được tài sản là chiếc xe máy Honda Wave S, sơn màu đỏ đen BLS 27V1-065.84, nay không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì. Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Anh S A X là người nhận cầm chiếc xe máy với bị cáo, anh Xai không biết xe do bị cáo trộm cắp mà có nên không xử lý anh Xai là phù hợp. Anh Xai khai, nhận cầm chiếc xe máy với bị cáo D với số tiền 2.000.000 đồng. Bị cáo D khai chỉ nhận tiền cầm xe với anh Xai 1.800.000 đồng. Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra đã tiến hành đối chất giữa bị cáo D và anh Xai nhưng bị cáo vẫn khẳng định nhận tiền cầm xe với anh Xai là 1.800.000 đồng và cũng không có người làm chứng và không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh bị cáo nhận tiền cầm xe với anh Xai số tiền là 2.000.000 đồng. Tuy nhiên anh Xai chỉ yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền là 2.000.000 đồng, bị cáo D đồng ý bồi thường số tiền anh Xai yêu cầu. Vậy cần ghi nhận sự thỏa thuận về mức bồi thường giữa bị cáo và anh S A X.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy qua biên bản xác minh của Công an, gia đình bị cáo không có tài sản gì đáng giá nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo khoản 5 điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, không áp dụng hình phạt bổ sung, xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo. Xét đề nghị áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, không áp dụng hình phạt bổ sung, xử phạt bị cáo ở mức án thấp nhất mà Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có đủ cơ sở để chấp nhận. Đề nghị áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là chưa đủ cơ sở chấp nhận, vì bị cáo phạm tội trong thời gian chưa được xóa án tích.

[7] **Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội 14, miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo.

[8] Xét về hành vi và các quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Chà và Viện Kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, Điều tra viên, Kiểm sát viên, từ khi khởi tố vụ án, quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đảm bảo về hình thức, đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo T S D phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*". Theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo T S D 15 (mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, ngày 03/5/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh S A X.

- Ghi nhận sự thỏa thuận bồi thường giữa anh S A X và bị cáo T S D. Bị cáo T S D phải bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho gia đình anh S A X - Sinh năm: 1997. Trú tại bản M L T, xã H L, Huyện MC, tỉnh DB.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo chậm thi hành án khoản tiền trên thì bị cáo còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi số tiền chậm trả theo lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội 14, miễn toàn bộ án phí HSST và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bị cáo T S D.

Áp dụng Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/8/2019. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo những gì liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện MC;
- Nhà tạm giữ CA huyện MC;
- THA huyện MC;
- Bộ phận NVHS CA H MC;
- Phòng GDKT TA tỉnh DB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Sở tư pháp tỉnh Điện Biên;
- CA tỉnh Điện Biên;
- Người bị hại;
- Những NCQLNVLQ;
- UBND xã Huổi Lèng thay cho thông báo;
- Lưu hồ sơ THA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Dinh